

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2018/DS-PT
Ngày 22 tháng 8 năm 2018
V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản; yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh.

Ông Phạm Trung Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 198/2018/TLDS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1109/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Chung Văn T, sinh năm: 1958; có mặt

1.2. Bà Chung Thị Kh, sinh năm 1949; có mặt

Cùng cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

1.3. Bà Chung Thị X, sinh năm 1952; có mặt

Cư trú: đường Tr, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Bà Chung Thị M, sinh năm 1956; vắng mặt

Cư trú: Ấp T1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Thái Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2017, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Minh L – Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

Địa chỉ: đường Tr, khóm Đ, phường M2, thành phố L, An Giang,

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1966; có mặt.

Cư trú: tổ 9, ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Chung Tuấn A, sinh năm 1993; vắng mặt

3.2. Ông Chung Hữu H, sinh năm 1988; có mặt

3.3. Ông Chung Hòa H1, sinh năm 1990; vắng mặt

Cùng Cư trú: tổ 9, ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Chung Hòa H1, Chung Tuấn A ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2017, có mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện C; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thị Trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện ở cấp sơ thẩm nguyên đơn Chung Văn T, Chung Thị Kh, Chung Thị X, Chung Thị M trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là Chung Văn Kh (đã chết ngày 11/01/1996) và Nguyễn Thị H (đã chết ngày 11/5/1998), cha mẹ sinh được 05 người gồm Chung Văn T, Chung Thị Kh, Chung Thị X, Chung Thị M và Chung Văn C (ông C đã chết năm 2011), ông C có vợ là Nguyễn Thị Ph và các con là Chung Tuấn A, Chung Hữu H, Chung Hòa H1.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, có để lại tài sản là phần đất 155,2m², trên đất có một căn nhà cấp 4 và một căn nhà tạm phía sau do cha mẹ xây cất, tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang. Sau khi cha mẹ chết thì nhà đất trên do ông Chung Văn T và gia đình của Chung Văn C ở, sau đó ông Chung Văn T đi làm ăn xa thì ông Chung Văn C đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nhưng các anh em không biết. Sau khi ông C chết thì bà Ph và các con là Tuấn A, Hữu H, Hòa H1 quản lý sử dụng phần đất 155,2m² và hai căn nhà trên đất, năm 2014 bà Ph đã kê khai và được cấp quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH03933, ngày 06/10/2014, diện tích 155,2m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph.

Việc ông C, bà Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở anh em chúng tôi đều không hay biết, nhà đất trên là nhà phủ thờ, gia đình bà Ph chỉ được ở và thờ cúng trong gia đình. Nay chúng tôi yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại gồm: Phần đất 155,2m², căn nhà cấp 4, nhà tường, nền gạch trên đất và căn nhà tạm phía sau; đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 155,2m² và quyền sở hữu nhà ở do ông Chung Văn C và bà Nguyễn Thị Ph đứng tên, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Chúng tôi yêu cầu xin nhận lại hiện vật là phần đất 155,2m² và các căn nhà trên đất, đồng thời được trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản trên của cha mẹ để lại nhằm thuận lợi cho việc thờ cúng ông bà cha mẹ trong gia đình. Chúng tôi sẽ bồi hoàn lại giá trị kỷ phần mà ông C được hưởng trong khối di sản thừa kế của cha mẹ để lại và tạo điều kiện cho phía bị đơn tới lui khi có đám tiệc trong gia đình.

Các nguyên đơn thống nhất giá trị tài sản đã định tại biên bản định giá ngày 06/6/2017, không yêu cầu định giá lại.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Bà và ông Chung Văn C là vợ chồng, chồng tôi là con út trong nhà, sống chung với cha mẹ chồng là ông Chung Văn Kh (đã chết năm 1996) và bà Nguyễn Thị H (đã chết năm 1998).

Khi tôi kết hôn với ông Chung Văn C thì về ở phần đất 155,2m² và căn nhà trên đất tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang, vợ chồng chúng tôi chung sống với cha mẹ chồng, thờ cúng ông bà đến khi cha mẹ chồng chết. Tôi thừa nhận phần đất 155,2m² và căn nhà trên đất là của cha mẹ chồng tạo lập, có trước khi tôi kết hôn với ông C, năm 2003 khi nhà nước yêu cầu đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, chồng tôi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/6/2003 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhà ngày 12/8/2003.

Năm 2011 chồng tôi chết, năm 2014 tôi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở sang tên tôi và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH03933, ngày 06/10/2014. Ông T cũng có tên trong hộ khẩu gia đình nhưng hiện ông đi làm ăn xa và không có ở trong nhà. Nay các nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại gồm phần đất 155,2m² và căn nhà cấp 4, nhà tường, nền gạch, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của vợ chồng tôi thì tôi không đồng ý, yêu cầu

được tiếp tục sử dụng nhà và đất nêu trên.

Tại phiên tòa bà Ph trình bày: Thừa nhận phần đất 155,2m², căn nhà cấp 4 và căn nhà tạm trên đất là của cha mẹ chồng có trước khi bà kết hôn với ông C năm 1986, nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế các tài sản trên thì tùy Hội đồng xét xử quyết định. Nhưng nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, thì đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét cho bà tiếp tục được quyền sử dụng, sở hữu nhà đất, bà cùng các con đồng ý hoàn giá trị cho các nguyên đơn, vì bà cùng các con đã sinh sống trong nhà đất này từ rất lâu, hiện nay bà và các con cũng không có chỗ ở nào khác. Bà cũng đồng ý với giá trị tài sản đã định, không yêu cầu định giá lại.

Ông Chung Hữu H trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ph, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét cho bà Ph và các con được tiếp tục sử dụng nhà đất, ông đồng ý cùng bà Ph hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các nguyên đơn.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C tại văn bản số 2277/UBND-NC ngày 29/12/2017:

Ông Chung Văn Kh và bà Nguyễn Thị H có tất cả 5 người con: Chung Thị Kh, Chung Thị X, Chung Thị M, Chung Văn T và Chung Văn C. Do ông C là con út nên sống chung nhà với cha mẹ. Ông Kh chết năm 1996, bà H chết năm 1998.

Ngày 18/02/2003 ông C cùng vợ là Nguyễn Thị Ph làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Phần nguồn gốc sử dụng đất ông C kê khai là: “Đất cha mẹ để lại năm 1979 đến nay, ổn định”. Trong thời gian công khai không có tranh chấp.

Hồ sơ được hội đồng xét cấp giấy thị trấn M đồng ý và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chung Văn C.

Ngày 24/6/2003 ông C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00862/Ha, diện tích 155,2m² đất ở tại đô thị thuộc thửa số 215, tờ bản đồ 09, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn M. Hồ sơ được thực hiện theo Quyết định số 272/2002/QĐ-UB ngày 30/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đối với hộ gia đình, cá nhân có nhà đất trên địa bàn An Giang.

Năm 2011 ông C chết, ngày 21/8/2014 bà Nguyễn Thị Ph cùng các con lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ph đứng tên gồm căn nhà gắn liền với thửa đất số 215, diện tích 155,2m². Văn bản thỏa thuận được Văn phòng công chứng An Giang chứng nhận ngày 21/8/2014.

Ngày 06/10/2014 bà Ph được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03933, diện tích 155,2m², đất ở đô thị thuộc thửa số 215, tờ bản đồ 09, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn M. Hồ sơ được thực hiện theo Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên đại bàn tỉnh An Giang.

Do đó việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chung Văn C theo số giấy 00862/Ha ngày 24/6/2003 và bà Nguyễn Thị Ph theo số giấy CH03933 ngày 06/10/2014 là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành hòa giải xét xử vắng mặt đối với Ủy ban nhân dân huyện C và xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự số 19/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03933 diện tích 155,2m², thửa đất số 215, tờ bản đồ số 9 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph ngày 06/10/2014.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế tài sản của các nguyên đơn.

[3] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chung Văn Kh, cụ Nguyễn Thị H gồm: Chung Văn T, Chung Thị Kh, Chung Thị X, Chung Thị M và Chung Văn C (Ông C chết năm 2011).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Chung Văn C là các ông bà Nguyễn Thị Ph, Chung Tuấn A, Chung Hữu H và Chung Hòa H1.

[4] Xác định di sản thừa kế của cụ Kh, cụ H để lại bao gồm: Diện tích đất 155,2m², căn nhà cấp 4b diện tích 25,2m², kết cấu: Nhà tường, nền gạch và nhà tạm diện tích 63,4m² kết cấu: Mái tole, khung gỗ, không có vách gắn liền đất phần đất 155,2m² tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang có tổng giá trị là 499.720.800đồng, được chia làm 6 kỷ phần. Các ông bà Kh, T, X, M mỗi người được chia một kỷ phần bằng 83.286.800đồng; Các ông bà Ph, Hòa H1, Tuấn A được chia 2 kỷ phần bằng 166.573.600đồng.

[5] Bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 155,2m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; căn nhà diện tích 25,2m² tại các điểm 8, 9, 10, 11 và căn nhà tạm diện tích 63,4m² tại các điểm 10, 11, 12, 13 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 19/6/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh huyện C, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03933, thửa đất số 215, tờ bản đồ số 9, do Ủy

ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph ngày 06/10/2014.

[6] Buộc bà Nguyễn Thị Ph, ông Chung Tuấn A, ông Chung Hòa H1, Chung Hữu H có trách nhiệm hoàn giá trị kỹ phần thừa kế cho các ông bà T, Kh, X, M, cụ thể:

Chung Văn T số tiền 83.286.800đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị Kh số tiền 83.286.800đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị X số tiền 83.286.800đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị M số tiền 83.286.800đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Chung Thị Kh, phải chịu 4.164.340đồng, được khấu trừ vào 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013590 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Kh phải nộp thêm 2.164.340đồng.

Ông Chung Văn T phải chịu 4.164.340đồng, được khấu trừ vào 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013589 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Ông T phải nộp thêm 2.164.340đồng.

Bà Chung Thị X phải chịu 4.164.340đồng, được khấu trừ vào 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013591 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà X phải nộp thêm 2.164.340đồng.

Bà Chung Thị M phải chịu 4.164.340đồng, được khấu trừ vào 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013592 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà M phải nộp thêm 2.164.340đồng.

Các ông bà Nguyễn Thị Ph, Chung Hòa H1, Chung Tuấn A, Chung Hữu H phải chịu 8.328.680đồng.

[8] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá, chi phí đo đạc: Bà Kh, Ông T, bà X mỗi người phải trả lại cho bà M 200.000đồng;

Các ông bà Ph, Tuấn A, Hữu H, Hòa H1 phải trả lại cho bà M 400.000đồng.

- Lệ phí đo đạc:

Các ông bà Kh, X, M mỗi người phải trả lại cho Ông T 102.000đồng;

Các ông bà Ph, Hòa H1, Tuấn A, Hữu H phải trả lại cho Ông T 204.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/4/2018, Ông Chung Văn T, bà Chung Thị Kh, bà Chung Thị X Chung Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét các yêu cầu:

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chung Văn C theo số giấy 00862/HA ngày 24/6/2003 và bà Nguyễn Thị Ph theo số giấy CH03933 ngày 06/10/2014

- Xác định trị giá tài sản theo giá thị trường là 900.000.000 đồng, và xin nhận tài sản bằng hiện vật.

- Không đồng ý chia di sản thừa kế thành 6 phần để chia cho bà Ph và các con của ông C thêm một kỷ phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các nguyên đơn tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn trong hạn luật định được HĐXX chấp nhận .

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của của các nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Án sơ thẩm xác định diện tích đất 155,2m², căn nhà cấp 4b diện tích 25,2m², kết cấu: Nhà tường, nền gạch và nhà tạm diện tích 63,4m² kết cấu: Mái tole, khung gỗ, không có vách, gắn liền đất phần đất 155,2m² tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang là di sản của cụ Kh, cụ H để lại, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là có cơ sở. Cụ Kh, cụ H chết không để lại di chúc nên di sản là nhà và đất được chia đều theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kh, cụ H là có căn cứ.

[3.2] Về yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu hưởng thừa kế tài sản là phần đất 155,2m² và căn nhà trên đất, đồng thời được trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản này, xét thấy bà Ph kết hôn với ông C năm 1986 chung sống cùng cụ Kh và cụ H tại nhà đất trên cho đến khi hai cụ chết. Bà Ph và các con hiện đang sinh sống ổn định tại căn nhà và diện tích đất nói trên. Các nguyên đơn đã có nơi ở ổn định và không sinh sống trong căn nhà này. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật .

[3.3] Đối với kháng cáo của các nguyên đơn về việc không đồng ý chia cho bị đơn thêm một kỷ phần thừa kế vì bị đơn không yêu cầu, việc cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện, thấy rằng: Các nguyên đơn khởi kiện đòi chia di sản thừa kế diện tích đất 155,2m², căn nhà cấp 4b diện tích 25,2m², kết cấu: Nhà tường, nền gạch và nhà tạm diện tích 63,4m² kết cấu: Mái tole, khung gỗ, không có vách, gắn liền đất phần đất 155,2m² tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và yêu cầu được tiếp tục sử dụng nhà và đất nêu trên, như vậy yêu cầu của bị đơn lớn hơn yêu cầu chia thêm một kỷ phần thừa kế nên án sơ thẩm giải quyết không vượt quá yêu cầu của của bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định bà Ph và các con có một phần công sức đóng góp trong việc bảo quản giữ gìn di sản nên được chia thêm một kỷ phần thừa kế là phù hợp.

[3.4] Đối với kháng cáo về phần định giá tài sản: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất theo biên bản định giá ngày 06/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản. Sau khi xét xử sơ thẩm các nguyên đơn kháng cáo đề nghị xác định giá tài sản theo giá thị trường là 900.000.000.đồng nhưng không đưa ra được căn cứ nào khác nên không được HĐXX chấp nhận.

[3.5] Đối với kháng cáo đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03933, ngày 06/10/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph, thấy rằng : việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và Phé là không đúng quy định của pháp luật, các nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ph là có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã tuyên xử giao cho bà Ph được tiếp tục sử dụng diện tích đất 155,2m², căn nhà cấp 4b diện tích 25,2m², kết cấu: Nhà tường, nền gạch và nhà tạm diện tích 63,4m² kết cấu: Mái tole, khung gỗ, không có vách, gắn liền đất phần đất 155,2m² tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Vì vậy không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03933, ngày 06/10/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Ph, nên kháng cáo của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Chung Văn T, bà Chung Thị Kh, bà Chung Thị X, Chung Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 228, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 623 và Điều 688, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 3 Điều 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1 Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự số 19/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh An Giang:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03933 diện tích 155,2m², thửa đất số 215, tờ bản đồ số 9 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph ngày 06/10/2014.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế tài sản của các nguyên đơn.

2.3 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chung Văn Kh, cụ Nguyễn Thị H gồm: Chung Văn T, Chung Thị Kh, Chung Thị X, Chung Thị M và Chung Văn C (Ông C chết năm 2011).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Chung Văn C là các ông bà Nguyễn Thị Ph, Chung Tuấn A, Chung Hữu H và Chung Hòa H1.

2.4 Xác định di sản thừa kế của cụ Kh, cụ H để lại bao gồm: Diện tích đất 155,2m², căn nhà cấp 4b diện tích 25,2m², kết cấu: Nhà tường, nền gạch và nhà tạm diện tích 63,4m² kết cấu: Mái tole, khung gỗ, không có vách gắn liền đất phần đất 155,2m² tọa lạc tại số nhà 240, ấp T, thị trấn M, huyện C, An Giang có tổng giá trị là 499.720.800 đồng, được chia làm 6 kỷ phần. Các ông bà Kh, T, X, M mỗi người được chia một kỷ phần bằng 83.286.800 đồng; Các ông bà Ph,

Hòa H1, Tuấn A được chia 2 kỳ phần bằng 166.573.600 đồng.

2.5 Bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 155,2m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; căn nhà diện tích 25,2m² tại các điểm 8, 9, 10, 11 và căn nhà tạm diện tích 63,4m² tại các điểm 10, 11, 12, 13 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 19/6/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh huyện C, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03933, thửa đất số 215, tờ bản đồ số 9, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ph ngày 06/10/2014.

2.6 Buộc bà Nguyễn Thị Ph, ông Chung Tuấn A, ông Chung Hòa H1, Chung Hữu H có trách nhiệm hoàn giá trị kỳ phần thừa kế cho các ông bà T, Kh, X, M, cụ thể:

Chung Văn T số tiền 83.286.800 đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị Kh số tiền 83.286.800 đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị X số tiền 83.286.800 đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Chung Thị M số tiền 83.286.800 đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

2.7 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Chung Văn T, bà Chung Thị Kh, bà Chung Thị X, bà Chung Thị M mỗi người phải chịu 300.000.đồng được khấu trừ vào 300.000.đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số: 0007294; 0007295; 0007296; 0007297 ngày 16/4/2018 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo ,kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang (1);
- Đường sự (theo địa chỉ) (6)
- Lưu (3), 17b (LĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng

